

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



HOÀNG TRUNG DŨNG

**PHÁP LUẬT VỀ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
ĐỐI VỚI TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG QUA THỰC TIỄN
TẠI QUẢNG TRỊ**

Chuyên ngành: Luật kinh tế
Mã số: 838 01 07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

QUẢNG TRỊ, năm 2020

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Nguyễn Duy Phương**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài liên quan.....	3
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài:	5
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	5
5. Phương pháp nghiên cứu.....	5
6. Những đóng góp mới của Luận văn.....	6
7. Ý nghĩa khoa học , thực tiễn và kết cấu của Luận văn	6
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THUẾ THU NHẬP CÁ	
NHÂN ĐỐI VỚI TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG	7
1.1. Những vấn đề chung về thuế thu nhập cá nhân và thuế thu nhập cá nhân tiền lương, tiền công.....	7
1.1.1. Khái niệm thuế thu nhập cá nhân.....	7
1.1.2. Đặc điểm thuế thu nhập cá nhân	7
1.1.3. Khái niệm tiền lương, tiền công.....	8
1.1.3.1: Tiền lương	8
1.1.3.2. Tiền công.....	8
1.1.4. Khái niệm thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công	9
1.2. Nội dung cơ bản của Pháp luật thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công	9
1.3. Vai trò của thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công	10
1.3.1 Thuế TNCN đối với tiền lương, tiền công là một công cụ rất cần thiết để thực hiện việc kiểm soát thu nhập của các tầng lớp dân cư, thực hiện công bằng xã hội và quản lý, điều tiết vĩ mô nền kinh tế.	10
1.3.2. Thuế TNCN đối với tiền lương, tiền công ngày càng trở thành nguồn thu quan trọng của Ngân sách nhà nước	10

1.3.3. Thuế TNCN đối với tiền lương, tiền công là góp phần hoàn thiện hệ thống chính sách thuế, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập với kinh tế thế giới. 10

Kết luận chương 1 11

Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG VỀ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN ĐỐI VỚI TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ..... 11

2.1. Thực trạng pháp luật về thuế thu nhập đối với tiền lương, tiền công 11

2.1.1. Các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công chịu thuế thu nhập cá nhân 11

2.1.1.1. Theo qui định của Luật sửa đổi một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân năm 2012 11

2.1.1.2. Theo qui định của Nghị định 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân 12

2.1.1.3. Theo qui định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính 12

2.1.2. Đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công..... 13

2.1.2.1. Giá tính thuế 13

2.1.2.2. Chế độ kê khai, nộp thuế, thu thuế..... 14

2.1.2.3. Chế độ xử lý vi phạm và khen thưởng 14

2.1.3. Đánh giá về thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công 14

2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về thuế thu nhập cá nhân tiền lương, tiền công.. 15

2.2.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc thi hành pháp luật về thuế thu nhập cá nhân tiền lương, tiền công tại tỉnh Quảng Trị 15

2.2.2. Thi hành pháp luật về thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công . 16

2.2.2.1. Đăng ký thuế 16

2.2.2.2. Việc tính thuế, kê khai thuế..... 16

2.2.2.3. Thực trạng thực thi pháp luật trong nộp thuế..... 16

2.2.3. Đánh giá thực trạng thi hành pháp luật thuế người nộp thuế..... 17

Kết luận chương 2 17

Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN ĐỐI VỚI TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG	18
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công	18
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công	19
Kết luận chương 3	20
KẾT LUẬN	21
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	22

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thuế là một công cụ quan trọng của Nhà nước, nó vừa đảm bảo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước, vừa là công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Để sử dụng hiệu quả công cụ thuế, về cơ bản hệ thống chính sách thuế gồm có thuế gián thu và thuế trực thu. Thuế gián thu như thuế GTGT, thuế Tiêu thụ đặc biệt, thuế Xuất khẩu, thuế Nhập khẩu. Thuế trực thu như thuế Thu nhập cá nhân (TNCN), thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Theo thông lệ của các quốc gia, thuế trực thu sẽ chiếm tỷ trọng lớn, ngược lại, giảm dần thuế gián thu. Việt Nam đang bước vào hội nhập sâu, rộng với kinh tế quốc tế và tiến trình chuyển đổi dần cơ cấu tỷ trọng tăng dần của các sắc thuế trực thu đang là xu hướng tất yếu. Thuế TNCN cũng đóng một vai trò đáng kể trong nguồn thu ngân sách và là nghĩa vụ của tất cả những người lao động trên lãnh thổ Việt Nam. Thuế TNCN điều tiết thu nhập cá nhân, thể hiện rõ nghĩa

Cũng như các nước trên thế giới, Việt Nam đã ban hành nhiều loại luật thuế khác nhau nhằm phân chia số thuế phải nộp cũng như mở rộng đối tượng chịu thuế nhằm làm giảm bớt gánh nặng thuế khóa cho người nộp thuế. Thuế thu nhập cá nhân là loại thuế trực thu ra đời khoảng cuối thế kỷ XVIII, đầu tiên được áp dụng tại Hà Lan vào năm 1797, sau đó đến Vương quốc Anh 1799, Đức (1808), Hoa Kỳ áp dụng loại thuế này muộn hơn vào năm 1864. Các nước châu Âu còn lại và Úc, New Zealand, Nhật Bản cũng áp dụng thuế TNCN vào nửa cuối thế kỷ XIX. Các nước châu Á như Thái Lan áp dụng năm 1939, Trung Quốc áp dụng năm 1984, những nước Đông Âu thuộc các nền kinh tế chuyển đổi như Rumani áp dụng năm 1990, Nga năm 1991. Cho đến nay trên thế giới đã có hơn 180 quốc gia và vùng lãnh thổ nước áp dụng Luật thuế thu nhập cá nhân và có một số nước có tỷ suất thuế thu nhập cá nhân rất cao như: Aruba một phần lãnh thổ của Hà Lan có tỷ lệ thuế suất thu nhập cao nhất thế giới 58,95%, đứng thứ hai là Thủy Điển 56,6%, thứ ba là Đan Mạch 55,4%, thứ tư Hà Lan 52% đến các nước Nhật Bản, Bỉ, Anh, Áo 50%, Phần Lan 49,2% và Ireland 48%. Thuế thu nhập cá nhân ngày càng đóng vai trò quan trọng đối với nguồn thu ngân sách

của mỗi quốc gia, nó chiếm 30% đến 40% trong tổng các nguồn thu từ thuế đối với các nước Nhật, Mỹ, Hà Lan, Thủy Điển...

Ngày 27 tháng 12 năm 1990, Hội đồng Nhà nước đã ban hành Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao nhằm động viên một phần thu nhập của người thu nhập cao vào ngân sách Nhà nước. Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao được sửa đổi, bổ sung nhiều lần vào các năm 1992, 1993, 1994, 1997, 2001, 2004. Ngày 1/11/2007, Quốc hội đã ban hành Luật thuế Thu nhập cá nhân, luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009 và được sửa đổi, bổ sung theo Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân, được Quốc hội thông qua ngày 22/11/2012 và chính thức có hiệu lực từ ngày 1/7/2013. Thuế thu nhập cá nhân ngày càng đóng vai trò quan trọng trong tổng thu NSNN bởi sự giảm dần các loại thuế xuất nhập khẩu do yêu cầu tự do hóa thương mại, mặt khác nền kinh tế nước ta ngày càng phát triển, thu nhập bình quân đầu người của người dân ngày càng tăng nên nguồn thu từ thuế TNCN tăng, góp phần quan trọng vào việc tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước nhằm đảm bảo sự hoạt động bình thường của nhà nước. Thuế TNCN đã được đưa vào áp dụng ở Việt Nam từ năm 1991 với tên gọi “Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao”, song từ khi Chính phủ công bố dự thảo lần đầu cho đến khi công bố luật thuế TNCN đến nay thì vẫn còn những tranh cãi vướng mắc.

Là loại thuế có diện đánh thuế rộng từ các ngành nghề, lĩnh vực khác nhau như: sản xuất kinh doanh, dịch vụ, buôn bán, làm công ăn lương, trúng số, bản quyền, chuyển nhượng, mặt khác thuế là thuế trực thu đánh trực tiếp vào thu nhập của NNT, làm cho đối tượng có thu nhập nộp thuế có tâm lý lo sợ, tìm mọi cách trốn thuế, tránh thuế từ các khâu đăng ký, kê khai, tính thuế và nộp thuế làm thất thoát hàng ngàn tỉ đồng đối với ngân sách Nhà nước. Để pháp luật thuế thu nhập cá nhân được thực thi nghiêm minh trong thực tiễn, đảm bảo tính công bằng cho các đối tượng nộp thuế, nâng cao hiệu quả nguồn thu ngân sách nhà nước thì ta phải tìm hiểu, phân tích các nhân tố ảnh hưởng, tác động đến tính tuân thủ pháp luật thu nhập cá nhân, từ đó đưa ra các giải pháp để thực thi hành trong thực tiễn. Ta xác định, người nộp thuế là trực tiếp thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của mình, tính tuân thủ pháp luật của NNT được đặt lên hàng đầu và đây được coi là nội dung quan trọng nhất trong quá trình xây dựng các sắc thuế mà đặc biệt là các sắc thuế trực thu như thuế TNCN. Tính tuân thủ của người nộp thuế được xem như là

yếu tố cốt lõi của cơ chế tự khai, tự tính, tự nộp thuế của người nộp thuế. Theo đó việc xây dựng “chiến lược tuân thủ tự nguyện” đang được đặt ra như một tất yếu trong ý thức của người nộp thuế - Mô hình quản lý tuân thủ. Để nâng cao nhận thức nhận, tính tự nguyện, tự giác của NNT trong việc tuân thủ pháp luật thuế, thì theo tác giả trước hết ta phải phân tích làm sáng tỏ các nội dung quy định của pháp luật về thuế TNCN để NNT hiểu, nắm bắt và thực hiện, đồng thời bên cạnh đó đưa ra các giải pháp đồng bộ hữu hiệu nâng cao trách nhiệm, ý thức tự giác tuân thủ pháp luật để thuế TNCN có sức sống trong thực tiễn. Điều quan trọng nhất ở đây là phải đánh giá được đặc điểm, tâm lý, cách ứng xử, thái độ của NNT và mức độ tuân thủ của NNT, để cơ quan quản lý thuế có những cách ứng xử phù hợp, hiệu quả hơn trong thực tiễn điều hành quản lý thuế.

Vì vậy, tác giả đã chọn đề tài ***“Thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị”*** làm luận văn thạc sĩ.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài liên quan

Thuế TNCN là loại thuế trực thu, có diện chịu thuế rộng và thường xuyên thay đổi, bổ sung nên việc áp dụng thuế TNCN trong thực tiễn gặp nhiều khó khăn khăn. Để luật thuế TNCN có tính khả thi trong thực tiễn áp dụng có ý nghĩa hết sức quan trọng vì nó phản ánh được sự tuân thủ của pháp luật của NNT đến đâu. Các nội dung của tính tuân thủ và chỉ tiêu để đo lường mức độ tuân thủ pháp luật của NNT, nhân tố nào có mức độ ảnh hưởng lớn nhất. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát như thế nào để vừa gọn nhẹ lại vừa có hiệu quả nhằm nâng cao được ý thức chấp hành pháp luật và tính chịu trách nhiệm của các chủ thể trong quan hệ pháp luật thuế. Từ đó, đưa ra các phương hướng, giải pháp nâng cao tính tuân thủ pháp luật của NNT nhằm đảm bảo công bằng giữa các cá nhân nộp thuế, đồng thời tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.

Các vấn đề nêu trên về pháp luật về thuế TNCN không phải là đề tài mới. Ở Việt Nam, đã thu hút được nhiều học giả, chuyên gia, các nhà khoa học quan tâm, nghiên cứu. Trong thời gian qua đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về pháp luật thuế TNCN ở các khía cạnh khác nhau như:

Công trình nghiên cứu với đề tài: “Tăng cường kiểm soát nguồn thu thuế TNCN trên địa bàn Tỉnh Phú Yên” của tác giả Nguyễn Thị Kim Trọng - Đại học Đà Nẵng, 2016.

Công trình nghiên cứu với đề tài: “Quản lý thuế thu nhập cá nhân ở Việt nam trong điều kiện hiện nay” của tác giả Nguyễn Văn Long - Đại học Tài chính Hà Nội, 2018.

Công trình nghiên cứu với đề “Hoàn thiện công tác quản lý thuế nhập cá nhân trên địa bàn tỉnh Trà Vinh” của tác giả Trần Công Thành – Đại học Kinh tế Đà Nẵng, 2018

Công trình nghiên cứu với đề tài “Kiểm soát thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền công, tiền lương tại các tổ chức chi trả thu nhập do Cục thuế Đà Nẵng thực hiện” của tác giả Bùi Công Phượng – Đại học kinh tế Đà Nẵng, 2017.

Các công trình nghiên cứu trên đã đi sâu phân tích làm rõ các khía cạnh khác nhau của thuế TNCN, công tác quản lý và thu thuế, các nhân tố tác động, ảnh hưởng đến quá trình quản lý và thu thuế, những mặt còn hạn chế, tồn tại của pháp luật thuế thu nhập cá nhân cũng như trong thực tiễn áp dụng. Từ đó đưa ra các phương hướng, giải pháp nhằm nâng cao công tác quản lý và thu thuế có hiệu quả.

Bên cạnh đó có một số công trình nghiên cứu chuyên sâu về tính tuân thủ trong pháp luật về thuế như:

Công trình nghiên cứu với đề tài “Nghiên cứu một số giải pháp nâng cao tính tuân thủ pháp luật của người nộp thuế theo Luật quản lý thuế hiện nay trên địa bàn Hòa bình” của tác giả Phạm Văn Phong – Đại học Nông nghiệp Hà Nội, tác giả đã nêu lên mức độ tuân thủ pháp luật của người nộp thuế theo Luật quản lý thuế ra sao, nguyên nhân nào liên quan đến hành vi không tuân thủ của họ và cần có những giải pháp gì để nâng cao tính tuân thủ của người nộp thuế theo Luật Quản lý thuế.

Đề tài nghiên cứu “Hoàn thiện quản lý thuế Nhà nước đối với thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam” của tác giả Nguyễn Hoàng (2013), trường Đại học Kinh tế quốc dân – Hà Nội đã làm rõ các đặc điểm về thuế TNCN và các nội dung tuân thủ pháp luật và các nhân tố ảnh hưởng đến tính tuân thủ pháp luật của NNT trên địa bàn Hải phòng, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao công tác quản lý thuế TNCN và tính tuân thủ pháp luật của NNT.

Các công trình nghiên cứu trên nghiên cứu nhiều khía cạnh khác nhau về pháp luật liên quan đến pháp luật thuế TNCN, công tác quản lý, kiểm soát nguồn thu, tính tuân thủ pháp luật của người nộp thuế và đã có những cách nhìn,

cách giải quyết những vấn đề còn vướng mắc tồn tại cả trong lý luận và thực tiễn, góp phần tạo cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc hoàn thiện pháp luật thuế TNCN cũng như tính tuân thủ pháp luật của NNT. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu trên cũng chưa tháo gỡ được hết những vướng mắc, tồn tại trong thực tiễn áp dụng pháp luật về nâng cao tuân thủ pháp luật thuế TNCN đối với tiền lương, tiền công. Như vậy, cho đến thời điểm này đề tài mà chúng tôi thực hiện chưa được công bố bởi bất kỳ công trình khoa học nào.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài:

3.1. Mục đích của luận văn

Việc nghiên cứu đề tài này nhằm mục đích đưa ra một số kiến nghị, giải pháp để hoàn thiện pháp luật về thuế TNCN đối với tiền lương, tiền công.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn

- Phân tích làm rõ những vấn đề lý luận về thuế TNCN đối với tiền lương, tiền công.

- Phân tích những ưu điểm, nhược điểm của pháp luật hiện hành về thuế TNCN đối với tiền lương, tiền công.

- Làm sáng tỏ được những ưu khuyết điểm trong thực tiễn thi hành pháp luật thuế TNCN đối với tiền lương, tiền công từ đó nhằm hoàn thiện pháp luật về thuế TNCN đối với tiền lương, tiền công.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu các đối tượng sau:

- Những vấn đề lý luận về thuế TNCN đối với tiền lương, tiền công.
- Pháp luật hiện hành về thuế TNCN đối với tiền lương, tiền công.
- Thực tiễn thi hành pháp luật về thuế TNCN đối với tiền lương, tiền công.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

4.2.1. Về không gian

Đề tài tập trung nghiên cứu thực tiễn thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

4.2.2. Về thời gian

Luận văn tập trung nghiên cứu giai đoạn 2017 đến năm 2019.

5. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, trên cơ sở phương pháp tiếp cận nêu trên, đề tài sử dụng các phương pháp sau trong nghiên cứu:

5.1. Phương pháp luận

Việc nghiên cứu đề tài dựa trên cơ sở lý luận của Chủ nghĩa Mác- Lênin mà cụ thể là phương pháp duy vật biện chứng, duy vật lịch sử;

Dựa trên quan điểm đường lối của Đảng cộng sản Việt Nam về xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

5.2. Phương pháp nghiên cứu cụ thể

Luận văn sử dụng các phương pháp sau:

Phương pháp phân tích, tổng hợp: phân tích nội dung của pháp luật thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công, đồng thời tổng hợp, đánh giá thực trạng thực tiễn thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Phương pháp điều tra, thống kê; Điều tra, thống kê số liệu về thực tiễn thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Phương pháp đối chiếu, so sánh để làm rõ các quy định của pháp luật với thực tiễn thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

6. Những đóng góp mới của Luận văn

Về lý luận: góp phần hoàn thiện những vấn đề lý luận về thuế TNCN đối với tiền lương, tiền công.

Về thực tiễn: Thông qua nghiên cứu thực tiễn thi hành pháp luật về thuế TNCN đối với tiền lương, tiền công, làm sáng tỏ được những ưu khuyết điểm trong thực tiễn thi hành pháp luật thuế TNCN đối với tiền lương, tiền công từ đó nhằm hoàn thiện pháp luật thuế TNCN đối với tiền lương, tiền công.

7. Ý nghĩa khoa học , thực tiễn và kết cấu của Luận văn

Làm rõ nhân các nội dung của pháp luật thuế TNCN đối với tiền lương tiền công và thực tiễn thi hành pháp luật của NNT , đồng thời phân tích, làm rõ các nhân tố tác động đến việc thi hành pháp luật thuế TNCN tiền lương, tiền công mà đặc biệt là cá nhân NNT và cá nhân, tổ chức trả thu nhập, đây là hai nhân tố mà tác giả cho là quan trọng nhất đối việc thi hành pháp luật thuế TNCN về tiền lương, tiền công. Từ đó xây dựng phương hướng, giải pháp phù hợp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật, đảm bảo sự công bằng giữa những NNT, chống gian lận, trốn thuế làm tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước góp phần duy trì sự ổn định và phát triển của đất nước.

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các bảng biểu và tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn thi hành pháp luật thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công tại tỉnh Quảng Trị.

Chương 3: Một số định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN ĐỐI VỚI TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG

1.1. Những vấn đề chung về thuế thu nhập cá nhân và thuế thu nhập cá nhân tiền lương, tiền công

1.1.1. Khái niệm thuế thu nhập cá nhân

Thuế TNCN là thuế trực thu đánh vào thu nhập chính đáng của từng cá nhân NNT. Là thuế trực thu nên nó phản ánh sự đồng nhất giữa đối tượng nộp thuế theo luật và đối tượng chịu thuế theo ý nghĩa kinh tế. Người chịu thuế thu nhập cá nhân không có khả năng chuyển giao gánh nặng thuế khoá sang cho người khác tại thời điểm đánh thuế.

1.1.2. Đặc điểm thuế thu nhập cá nhân

Là một chính sách trong hệ thống thuế, thuế TNCN mang đầy đủ tính chất cơ bản của thuế nói chung. Đó là: tính quyền lực, tính cưỡng chế và tính pháp lý cao, được xác lập trên nền tảng các vấn đề kinh tế, xã hội của người làm nhiệm vụ đóng thuế và tính không hoàn trả trực tiếp. Ngoài những đặc điểm chung đó, thuế TNCN còn có một số đặc điểm riêng sau:

- Do là thuế trực thu, thuế TNCN đối với cá nhân hành nghề tự do thì nộp thuế đồng nhất với người chịu thuế, người ta không thể chuyển giao gánh nặng cho người khác

- Thuế TNCN có phạm vi thu rất rộng (toàn quốc). Đối tượng chịu thuế là tất cả các cá nhân có thu nhập (bao gồm công dân trong nước và những người

nước ngoài cư trú thường xuyên hay không thường xuyên có phát sinh thu nhập tại Việt Nam) và hầu như tất cả các khoản thu nhập của cá nhân đều chịu thuế không kể nguồn phát sinh trong nước hay ngoài nước. Do vậy, khả năng tạo ra nguồn thu cho ngân sách Nhà nước rất cao.

- Thuế TNCN là loại thuế gắn liền với chính sách xã hội của mỗi quốc gia.

Mặc dù cũng có quan điểm về hoàn thiện chính sách thuế TNCN là cần phải xây dựng một chính sách có tính trung lập không nhằm vào mục tiêu khác nhau, nhưng trên thực tế chưa quốc gia nào tách rời hẳn thuế TNCN với một chính sách xã hội khác như phúc lợi công cộng chăm sóc sức khỏe.....

- Thuế TNCN thường được đánh theo kiểu lũy tiến từng phần. Đặc trưng xuất phát từ vai trò chủ yếu của thuế TNCN là điều tiết mạnh giữa người có thu nhập cao và động viên sự đóng góp của người có thu nhập trung bình, góp phần thực hiện công bằng xã hội. Do vậy, chỉ có thể sử dụng biểu thuế từng phần mới đáp ứng được nhu cầu đó.

- Xét về mặt kỹ thuật, thuế TNCN là loại thuế phức tạp vì diện thu rất rộng, khi tính thuế phải xét đến hoàn cảnh của mỗi cá nhân và luôn kết hợp với chính sách xã hội.

- Xét về góc độ kinh tế, thuế TNCN không ảnh hưởng nhiều đến sự thay đổi cơ cấu kinh tế, tính trung lập của thuế TNCN cao hơn so với chính sách thuế khác. Việc tăng, giảm thuế TNCN hầu như không kéo theo sự thay đổi về cơ cấu

1.1.3. Khái niệm tiền lương, tiền công

1.1.3.1. Tiền lương

Tiền lương là sự trả công hoặc thu nhập mà có thể biểu hiện bằng tiền và được ấn định bằng thoả thuận giữa người sử dụng lao động và người lao động, hoặc bằng pháp luật, pháp quy Quốc gia, do người sử dụng lao động phải trả cho người lao động theo hợp đồng lao động cho một công việc đã thực hiện hay sẽ phải thực hiện, hoặc những dịch vụ đã làm hoặc sẽ phải làm.

1.1.3.2. Tiền công

Tiền công là khoản tiền người lao động được hưởng sau khi đã đóng góp lao động và chuyên môn để nỗ lực tạo ra sản phẩm cho người chủ (người sử dụng lao động) và thường được thuê với hợp đồng làm việc (giao kèo) để thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được đóng gói vào một công việc hay chức năng.

Tiền công có thể được trả định kỳ như tiền lương, hoặc trả một lần, khi công việc chấm dứt.

1.1.4. Khái niệm thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công

Theo qui định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân thì thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương công được hiểu là thu nhập từ tiền lương, tiền công mà người lao động nhận được từ người sử dụng lao động, bao gồm: Tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công nhận được dưới các hình thức bằng tiền hoặc không bằng tiền; Các khoản phụ cấp, trợ cấp mà người chịu thuế được hưởng.

1.2. Nội dung cơ bản của Pháp luật thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công

1.2.1. Những nội dung cơ bản của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân

Nghiên cứu pháp luật về thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương tiền công hiện nay cho thấy pháp luật điều chỉnh các nội dung cơ bản sau:

- Người nộp thuế:

Người nộp thuế theo quy định của luật thuế TNCN là cá nhân hoặc tổ chức có trách nhiệm nộp thuế TNCN vào ngân sách nhà nước. Nhiều trường hợp người có trách nhiệm nộp thuế chính là người chịu thuế, nhưng có trường hợp người nộp thuế không phải là người chịu thuế.

- Đối tượng tính thuế

Trong các luật thuế, đối tượng chịu thuế là đối tượng được đưa ra để tính thuế. Mỗi sắc thuế có một đối tượng tính thuế riêng. Ở đây đối tượng tính thuế là thu nhập từ tiền lương, tiền công.

- Cơ sở tính thuế

Thường thì tên gọi của một sắc thuế bắt nguồn từ đối tượng chịu thuế của sắc thuế đó, ví dụ thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập... Luật thuế quy định, thuế nộp vào ngân sách nhà nước trên những căn cứ xác định. Những căn cứ dùng để xác định số thuế phải nộp của một loại thuế cho từng đối tượng nộp thuế được gọi là cơ sở tính thuế hoặc là căn cứ tính thuế của loại thuế đó.

- Chế độ xử lý vi phạm và khen thưởng

Để đảm bảo luật thuế được thực hiện một cách triệt để nghiêm minh, đúng, đủ, kịp thời, luật thuế và các văn bản pháp luật có liên như đã quy định các biện

pháp chế tài xử phạt đối với các cá nhân và tổ chức vi phạm, khen thưởng các cá nhân, tổ chức hoàn thành nộp nhiệm vụ nộp và thu thuế.

1.3. Vai trò của thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công

1.3.1 Thuế TNCN đối với tiền lương, tiền công là một công cụ rất cần thiết để thực hiện việc kiểm soát thu nhập của các tầng lớp dân cư, thực hiện công bằng xã hội và quản lý, điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

Để kiểm soát thu nhập dân cư, nhà nước phải sử dụng đồng thời cả hai cơ chế quản lý quỹ tiền lương, tiền công, chế độ báo cáo quyết toán kinh doanh... và cơ chế kê khai nộp thuế TNCN, tuy ban đầu có thể chưa chính xác, nhưng sẽ là căn cứ để thống kê thu nhập dân cư phục vụ chương trình mục tiêu nghiên cứu quốc gia, hoạch định chính sách phát triển phù hợp khi tính tuân thủ pháp luật, pháp chế xã hội được nâng lên.

1.3.2. Thuế TNCN đối với tiền lương, tiền công ngày càng trở thành nguồn thu quan trọng của Ngân sách nhà nước

Dù không phải là mục tiêu chủ yếu, song thực hiện phát triển chính sách thuế trực thu nói chung, thuế TNCN tiền lương, tiền công nói riêng chính là là việc tạo lập và phát triển nguồn thu vững chắc cho ngân sách nhà nước. Cùng với xu hướng tăng trưởng kinh tế ngày càng cao, hội nhập và phát triển, thu nhập quốc dân đầu người ngày càng lớn thì khả năng huy động nguồn thu cho ngân sách nhà nước thông qua thuế TNCN sẽ ngày càng tăng và sẽ ngày một dồi dào.

1.3.3. Thuế TNCN đối với tiền lương, tiền công là góp phần hoàn thiện hệ thống chính sách thuế, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập với kinh tế thế giới.

Việc ban hành Luật thuế TNCN là bước thể chế hoá đường lối chính sách của Đảng về lĩnh vực tài chính tiền tệ đồng thời là bước đi phù hợp lộ trình cải cách thuế theo mục tiêu chiến lược Chính phủ đã hoạch định.

Nhận thức đúng vai trò vị trí hiện tại cũng như hướng phát triển hoàn chỉnh của chính sách thuế TNCN, quán triệt đầy đủ nội dung yêu cầu của Luật thuế TNCN mới ban hành để tuyên truyền, giáo dục pháp luật thuế, vận động toàn dân hiểu biết, chấp hành là nghĩa vụ và trách nhiệm của các tổ chức, cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, công dân

Kết luận chương 1

Trong chương này, tác giả đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về thuế thu nhập cá nhân nói chung, tiền lương, tiền công nói riêng: quá trình hình thành, khái niệm, đặc điểm, vai trò và những nội dung cơ bản về thuế thu nhập cá nhân. Đây là cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các quy định của pháp luật hiện hành về thuế thu nhập đối với tiền lương, tiền công, cũng như thực tiễn áp dụng nhưng quy định này ở chương 2.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG VỀ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN ĐỐI VỚI TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ

2.1. Thực trạng pháp luật về thuế thu nhập đối với tiền lương, tiền công

2.1.1. Các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công chịu thuế thu nhập cá nhân

2.1.1.1. Theo quy định của Luật sửa đổi một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân năm 2012

Thu nhập từ tiền lương, tiền công mà người lao động nhận được từ người sử dụng lao động, bao gồm:

- Tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công;
- Các khoản phụ cấp, trợ cấp, trừ các khoản: phụ cấp, trợ cấp theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công; phụ cấp quốc phòng, an ninh; phụ cấp độc hại, nguy hiểm đối với ngành, nghề hoặc công việc ở nơi làm việc có yếu tố độc hại, nguy hiểm; phụ cấp thu hút, phụ cấp khu vực theo quy định của pháp luật; trợ cấp khó khăn đột xuất, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, trợ cấp một lần khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi, trợ cấp do suy giảm khả năng lao động, trợ cấp hưu trí một lần, tiền tuất hàng tháng và các khoản trợ cấp khác theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội; trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm theo quy định của Bộ luật lao động; trợ cấp mang tính chất bảo trợ xã hội và các khoản phụ cấp, trợ cấp khác không mang tính chất tiền lương, tiền công theo quy định của Chính phủ.”

2.1.1.2. Theo qui định của Nghị định 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân

• Cụ thể hóa nội dung các khoản thu thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công, khoản 2 Điều 3 Nghị định 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân thì thu nhập từ tiền lương, tiền công mà người lao động nhận được từ người sử dụng lao động, bao gồm:

a) Tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công nhận được dưới các hình thức bằng tiền hoặc không bằng tiền.

b) Các khoản phụ cấp, trợ cấp, trừ các khoản phụ cấp, trợ cấp sau:

c) Tiền thù lao nhận được dưới các hình thức như: Tiền hoa hồng môi giới, tiền tham gia đề tài, dự án, tiền nhuận bút và các khoản tiền hoa hồng, thù lao khác;

d) Tiền nhận được từ tham gia hiệp hội kinh doanh, hội đồng quản trị, ban kiểm soát, hội đồng quản lý, các hiệp hội, hội nghề nghiệp, và các tổ chức khác;

đ) Các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền ngoài tiền lương, tiền công do người sử dụng lao động trả mà người nộp thuế được hưởng dưới mọi hình thức:

e) Các khoản thưởng bằng tiền hoặc không bằng tiền dưới mọi hình thức, kể cả thưởng bằng chứng khoán, trừ các khoản tiền thưởng sau đây:

g) Không tính vào thu nhập chịu thuế đối với các khoản sau:

2.1.1.3. Theo qui định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính

Các khoản thu nhập chịu thuế, bao gồm:

- Thu nhập từ tiền lương, tiền công

- Thu nhập từ tiền lương, tiền công là thu nhập người lao động nhận được từ người sử dụng lao động, bao gồm:

a) Tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công dưới các hình thức bằng tiền hoặc không bằng tiền.

b) Các khoản phụ cấp, trợ cấp, trừ các khoản phụ cấp, trợ cấp sau:

2.1.2. Đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công

Người nộp thuế theo quy định của luật thuế TNCN là cá nhân hoặc tổ chức có trách nhiệm nộp thuế TNCN vào ngân sách nhà nước. Nhiều trường hợp người có trách nhiệm nộp thuế chính là người chịu thuế, nhưng có trường hợp người nộp thuế không phải là người chịu thuế như trường hợp cá nhân, tổ chức có trách nhiệm khấu trừ và nộp thay cho người nộp thuế.

- Cá nhân cư trú là người đáp ứng một trong các điều kiện sau:

+ Có mặt tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên tính trong một năm dương lịch hoặc tính theo 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam.

+ Có nơi ở thường xuyên tại Việt Nam, gồm có nơi ở đăng ký thường trú hoặc có nhà thuê để ở tại Việt Nam theo hợp đồng thuê có thời hạn.

- Cá nhân không cư trú là người không đáp ứng điều kiện quy định trên.

Đối tượng có thu nhập từ tiền lương, tiền công phải nộp Thuế thu nhập cá nhân

- Trừ những khoản giảm trừ gia cảnh

- Trừ những khoản tiền lương để đóng Bảo hiểm xã hội, những khoản đóng hưu trí tự nguyện.

- Những khoản sử dụng để đóng góp làm từ thiện, nhân đạo, hỗ trợ người nghèo.

Vậy, những người lao động khi được hưởng tiền lương, tiền công, sẽ phải nộp Thuế TNCN khi mức lương tối thiểu hàng tháng phải lớn hơn 9 triệu đồng. (Hiện tại Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã xem xét và quyết định tăng mức giảm trừ gia cảnh lên 11 triệu đồng từ năm 2020 theo tờ trình của Chính phủ).

2.1.2.1. Giá tính thuế

Giá tính thuế thu nhập cá nhân được quy định cụ thể trong luật, là thu nhập chịu thuế chưa có thuế thu nhập cá nhân, nhưng đôi khi, thu nhập đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp như trường hợp tiền thưởng của cá nhân làm công ăn lương được doanh nghiệp chi từ nguồn quỹ phúc lợi, khen thưởng trích lập từ thu nhập sau khi đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công được xác định bằng tổng số thu nhập mà đối tượng nộp thuế nhận được trong kỳ tính thuế.

Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công là thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập cho đối tượng nộp thuế hoặc thời điểm đối tượng nộp thuế nhận được thu nhập.

2.1.2.2. Chế độ kê khai, nộp thuế, thu thuế

Chế độ kê khai thuế được quy định trong luật thuế thể hiện các quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế trong việc chấp hành sổ sách kế toán, hóa đơn, chứng từ và cung cấp sổ sách, kế toán, chứng từ, hóa đơn liên quan đến việc tính thuế và thu thuế. Tùy thuộc vào yêu cầu của việc tính thuế mà luật thuế và các văn bản pháp luật thuế có liên quan quy định nội dung pháp lý về nghĩa vụ kê khai thuế của đối tượng nộp thuế.

Chế độ nộp thuế bao gồm các quy định về quyền và nghĩa vụ của đối tượng nộp thuế thực hiện với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Hành vi hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của đối tượng nộp thuế được thể hiện ở việc nộp đủ và đúng thời hạn số thuế phải nộp.

2.1.2.3. Chế độ xử lý vi phạm và khen thưởng

Để đảm bảo luật thuế được thực hiện một cách triệt để nghiêm minh, đúng, đủ, kịp thời, luật thuế và các văn bản pháp luật có liên như đã quy định các biện pháp chế tài xử phạt đối với các cá nhân và tổ chức vi phạm, khen thưởng các cá nhân, tổ chức hoàn thành nộp nhiệm vụ nộp và thu thuế.

Có thể thấy rằng Luật thuế TNCN và các văn bản hướng dẫn đã quy định rất rõ ràng, đầy đủ, cụ thể các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công phải chịu thuế. Điều này có ý nghĩa rất lớn trên thực tế, đặc biệt trong việc xác định các thu nhập phải chịu thuế, trọng việc tính thuế để nộp cho mỗi đối tượng chịu thuế

2.1.3. Đánh giá về thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương tiền, tiền công

Như trên đã trình bày, ngày 20/11/2007 tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XII thông qua Luật thuế thu nhập cá nhân (TNCN) Luật này chính thức có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009.

Trong quá trình thực thi, Luật này đã phát sinh một số hạn chế nhất định và đã được điều chỉnh bổ sung bởi Luật Thuế Thu nhập cá nhân số 26/2012/QH13 của Quốc hội. Qua thực tiễn triển khai cho thấy, quy định tại Luật thuế cơ bản phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nên đã phát huy được những tác động, tích cực.

Thứ nhất, những hạn chế về quy định giảm trừ gia cảnh

Chính sách thuế TNCN có quy định giảm trừ gia cảnh (cho bản thân người nộp thuế và người phụ thuộc) trước khi tính thuế và nộp thuế đối với cá nhân cư trú. Chính sách này thể hiện nguyên tắc công bằng khi xem xét khả năng cụ thể của người có thu nhập và chiếu cố đến hoàn cảnh của những cá nhân phải nuôi dưỡng nhiều người phụ thuộc.

Thứ hai, biểu thuế thu nhập lũy tiến từng phần đối với tiền lương, tiền công thiết kế chưa hợp lý.

Chính sách thuế TNCN ở nước ta quy định áp dụng Biểu thuế lũy tiến từng phần đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công nhằm giảm khoảng cách chênh lệch về thu nhập giữa cá nhân có thu nhập cao và cá nhân có thu nhập thấp.

Thứ ba, chưa có chính sách phù hợp thu hút cá nhân là nhân lực công nghệ cao.

2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về thuế thu nhập cá nhân tiền lương, tiền công

2.2.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc thi hành pháp luật về thuế thu nhập cá nhân tiền lương, tiền công tại tỉnh Quảng Trị

Quảng Trị là một trong những tỉnh trên cả nước chịu nhiều hậu quả nặng nề của chiến tranh để lại, kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, công nghiệp ở chỉ là những doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ nên nguồn thu ngân sách trên địa bàn tỉnh đang còn thấp nhưng bằng sự nỗ lực phấn đấu của các doanh nhân, người nộp thuế; sự chỉ đạo quyết liệt của UBND các cấp; sự quan tâm hỗ trợ của các sở, ban ngành và với quyết tâm phấn đấu hoàn thành đạt và vượt dự toán thu ngân sách nhà nước NSNN mà Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế, HĐND giao, số thuế thu được năm sau cao hơn so với năm trước. Năm 2017, tổng thu nội địa trong tỉnh 2.325 tỷ đồng đạt 103% dự toán pháp lệnh. Năm 2018, tổng thu nội địa trong tỉnh 2.385,176 tỷ đồng đạt 106,2% dự toán pháp lệnh đạt 103,4% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Năm 2019 đạt 3.260,442 tỷ đồng, đạt 112% dự toán HĐND tỉnh giao. Đây là mức cao nhất trong 04 năm từ đầu nhiệm kỳ đến nay (năm 2016 đạt 81%; năm 2017 đạt 103%; năm 2018 đạt 105% và năm 2019 đạt 112%). Năm 2020, toàn tỉnh phấn đấu tổng thu ngân sách đạt trên 3.400 tỷ đồng; tại Hội nghị triển khai kế hoạch kinh tế - xã hội, đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị phấn đấu đạt 3.700 tỷ đồng.

2.2.2. Thi hành pháp luật về thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công

2.2.2.1. Đăng ký thuế

Đăng ký thuế là việc NNT kê khai những thông tin của người nộp thuế cho cơ quan quản lý thuế để bắt đầu thực hiện nghĩa vụ về thuế với Nhà nước theo các quy định của pháp luật.

Đăng ký thuế là bước đầu tiên để NNT thực hiện nghĩa vụ thuế của mình. Theo Luật Quản lý thuế, NNT phải đăng ký thuế trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày:

- Được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy chứng nhận đầu tư;

- Bắt đầu hoạt động kinh doanh đối với tổ chức không thuộc diện đăng ký kinh doanh hoặc hộ gia đình, cá nhân thuộc diện đăng ký kinh doanh nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Phát sinh trách nhiệm khấu trừ thuế và nộp thuế thay;

- Phát sinh nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân;

- Phát sinh yêu cầu được hoàn thuế.

Cơ quan thuế quản lý NNT thông qua mã số thuế. Mã số thuế được cấp cho tổ chức, cá nhân người nộp thuế sử dụng trong suốt quá trình hoạt động, từ khi phát sinh nghĩa vụ thuế, cho đến khi chấm dứt sự tồn tại.

2.2.2.2. Việc tính thuế, kê khai thuế

Theo luật định, NNT tự tính số tiền thuế phải nộp NSNN (trừ trường hợp cơ quan thuế ấn định thuế); phải tự khai chính xác, trung thực, đầy đủ các nội dung trong tờ khai thuế với cơ quan thuế theo mẫu; phải nộp hồ sơ khai thuế cho cơ quan thuế theo đúng thời hạn quy định. Nhằm tạo sự thuận tiện cho NNT, giảm chi phí Cục thuế tỉnh đã cung cấp miễn phí phần mềm tin học ứng dụng công nghệ mã vạch hỗ trợ 100% cho người nộp thuế trong việc tính thuế, kê khai với cơ quan thuế đảm bảo đúng về biểu mẫu, chính xác về số thuế kê khai theo quy định, bên cạnh đó cơ quan thuế cũng từng bước triển khai việc nộp hồ sơ khai thuế qua mạng.

2.2.2.3. Thực trạng thực thi pháp luật trong nộp thuế

Nộp thuế là khâu tiếp theo khâu tính và khai thuế. Theo quy định, người nộp thuế có nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ, đúng thời hạn vào NSNN.

Cục thuế tỉnh đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm tạo sự thuận tiện cho NNT thực hiện tốt nghĩa vụ của mình. Từ năm 2017 đến 2019, Cục thuế và Chi cục thuế đã triển khai thực hiện đề án hiện đại hóa công tác thu NSNN của Bộ Tài chính. Ngành thuế, Kho bạc đã ủy nhiệm thu cho các Ngân hàng thương mại trên địa bàn (ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, ngân hàng Công thương, Ngân hàng Đầu tư và phát triển) trực tiếp tổ chức thu nộp. Triển khai thực hiện kế hoạch mở rộng dịch vụ nộp thuế điện tử trên phạm vi toàn tỉnh. Thường xuyên mở các lớp tập huấn về các chính sách quy định mới, gặp mặt, đối thoại, hỗ trợ pháp lý cho NNT giải đáp những vướng mắc khó khăn cho NNT. Qua đó các sai phạm trong quá trình kê khai, nộp thuế giảm rõ rệt.

2.2.3. Đánh giá thực trạng thi hành pháp luật thuế người nộp thuế

Qua phân tích trên, có thể thấy ý thức chấp hành pháp luật thuế của NNT trên địa bàn tương đối cao, song còn nhiều trường hợp ý thức tuân thủ pháp luật đang còn thấp, nguyên nhân có nhiều, song tựu chung lại một số nguyên nhân chính:

- Sự hiểu biết pháp luật thuế và pháp luật có liên quan của NNT (phần lớn là người hộ sản xuất kinh doanh nhỏ, doanh nghiệp và người lao động tự do) và các nhân viên trực tiếp khai thuế còn hạn chế, thụ động, số lượng người nộp thuế tự triển khai các Luật thuế theo đúng quy định chiếm tỷ lệ không cao, nên phần lớn người nộp thuế gặp khó khăn trong khai thuế, nộp thuế nếu không có sự hỗ trợ, hướng dẫn cụ thể của cơ quan thuế, cán bộ thuế.

Kết luận chương 2

Trong chương này, tác giả tập trung phân tích thực trạng thi hành pháp luật thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công của người nộp thuế thông qua số liệu thu thập được từ các khâu: đăng ký, kê khai, tính thuế, nộp thuế, thanh tra, kiểm tra trên địa bàn tỉnh. Đồng thời làm rõ các những thành tựu đạt được mà Cục thuế tỉnh đạt được trong việc triển khai thực hiện kịp thời các quy định mới về cải cách thủ tục hành chính, tạo sự thông thoáng thuận lợi cho NNT trong việc thực hiện nghĩa vụ của mình, nâng cao mức độ tuân thủ pháp luật của NNT, mặt khác chỉ ra những tồn tại, hạn chế chưa làm được từ đó đưa ra các giải pháp phù hợp để nâng cao tính tuân thủ pháp luật của NNT trên địa bàn. Đây là căn cứ để đưa ra quan điểm, định hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật của người nộp thuế ở chương 3.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN ĐỐI VỚI TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công

Hoàn thiện Luật Thuế thu nhập cá nhân nói chung và thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương tiền công nói riêng phải thực hiện theo quan điểm sau:

- Xây dựng môi trường pháp lý thống nhất về thuế thu nhập cá nhân áp dụng đối với mọi đối tượng thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội thông qua việc quy định mức thu phù hợp với cấu trúc phân bố thu nhập và mức thu nhập của các tầng lớp dân cư, đảm bảo yêu cầu động viên nguồn thu cho NSNN, điều tiết thu nhập một cách hợp lý, khuyến khích mọi cá nhân ra sức lao động, sản xuất kinh doanh, gia tăng thu nhập làm giàu hợp pháp và tránh gây ra tác động tiêu cực đến nỗ lực lao động của các tầng lớp dân cư.

- Bảo đảm công bằng xã hội thông qua việc quy định đối tượng chịu thuế bao quát mọi khoản thu nhập và mọi cá nhân có thu nhập kết hợp với việc quy định các khoản khấu trừ, miễn giảm một cách hợp lý, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội đất nước.

- Phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của đất nước và thông lệ quốc tế cũng như các cam kết quốc tế và Việt Nam đã ký kết, tham gia; kế thừa có chọn lọc những quy định trong chính sách thuế hiện hành, qua đó đảm bảo phát huy vai trò thuế TNCN đối với nền kinh tế - xã hội cũng như góp phần thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho mọi đối tượng nộp thuế thông qua các quy định đơn giản, dễ hiểu, dễ áp dụng về kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế với những biện pháp khuyến khích hợp lý nhằm tiết kiệm thời gian và giảm chi phí cho đối tượng nộp.

- Góp phần thúc đẩy cải cách hành chính và hiện đại hóa công tác quản lý thuế thông qua việc đa dạng hóa các phương pháp kê khai, nộp thuế với các giải

pháp phù hợp với từng loại thu nhập nhằm nâng cao hiệu quả và tiết kiệm chi phí quản lý thu thuế.

- Đảm bảo huy động nguồn lực tài chính cho Nhà nước, góp phần cải cách cơ cấu nguồn thu ngân sách, đảm bảo tính cân đối, ổn định lâu dài.

- Đảm bảo công bằng trong điều tiết thu nhập của các tầng lớp dân cư, tạo điều kiện cho người nộp thuế trong việc thực hiện nghĩa vụ đối với đất nước, góp phần hạn chế khoảng cách về thu nhập giữa các tầng lớp dân cư trong xã hội.

- Đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và hiện đại hóa công tác quản lý thu thuế là một trong những yêu cầu cơ bản của Luật thuế Thu nhập cá nhân ở nước ta trong thời gian tới. Đối với một nền kinh tế chuyển đổi như Việt Nam, yêu cầu cải cách hành chính và hiện đại hóa công tác quản lý thuế đang đặt ra như là một nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của ngành tài chính nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế và tránh những tác động ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường đầu tư nói riêng và toàn bộ nền kinh tế nói chung.

- Luật thuế TNCN phải đảm bảo tính đơn giản, minh bạch, rõ ràng trong quy trình thủ tục kê khai, nộp thuế và quản lý hành chính thuế, từng bước áp dụng công nghệ thông tin hiện đại, tạo điều kiện thuận lợi cho cả đối tượng nộp thuế và cơ quan thuế; qua đó cũng góp phần thúc đẩy quá trình cải cách hành chính và hiện đại hóa công tác quản lý thu thuế. Đây cũng là những yêu cầu cơ bản của quá trình quốc tế hóa hệ thống chính sách thuế trong điều kiện hội nhập kinh tế ở nước ta hiện nay và trong những năm tới.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công

Tại Chiến lược Cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020 (ban hành kèm theo Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 17/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ) đã đưa ra mục tiêu cải cách tổng quát đối với từng sắc thuế, trong đó, đối với thuế TNCN xác định: Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung theo hướng mở rộng cơ sở thuế và xác định rõ thu nhập chịu thuế; sửa đổi, bổ sung phương pháp tính thuế đối với từng khoản thu nhập theo hướng đơn giản, phù hợp với thông lệ quốc tế để nâng cao tính tuân thủ pháp luật của người nộp thuế và tạo thuận lợi cho công tác quản lý thuế; Điều chỉnh số lượng thuế suất phù hợp với thu nhập chịu thuế và đối tượng nộp thuế; Cơ bản thống nhất mức thuế suất đối với thu nhập cùng loại

hoạt động hoặc hoạt động tương tự đảm bảo công bằng về nghĩa vụ thuế giữa thể nhân và pháp nhân; Điều chỉnh mức thuế suất hợp lý nhằm động viên, khuyến khích cá nhân làm giàu hợp pháp.

Thứ nhất, đổi mới phương thức đánh thuế theo hướng đánh thuế trên tổng thu nhập.

Để quán triệt nguyên tắc công bằng trong chính sách thuế TNCN cần áp dụng phương pháp đánh thuế trên tổng các nguồn thu nhập và áp dụng biểu thuế lũy tiến từng phần.

Thứ hai, xây dựng Biểu thuế lũy tiến từng phần đối với tổng thu nhập.

Đề xuất biểu thuế lũy tiến từng phần đối với tổng thu nhập được xây dựng dựa trên cơ sở như sau:

- *Xác định mức khởi điểm nộp thuế TNCN:* Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, nếu năm 2004 mức độ chênh lệch thu nhập giữa nhóm cá nhân có thu nhập và thu nhập thấp là 7 lần, năm 2010 chênh lệch đã tăng lên 9,2 lần, năm 2014 là 9,7 lần và năm 2016 là 9,8 lần.

Kết luận chương 3

Với tình hình phát triển kinh tế xã hội hiện nay và thực trạng thi hành pháp luật về thuế thu nhập đối với tiền lương, tiền công ở chương 2. Nội dung chương này tác giả đưa ra quan điểm, định hướng hoàn thiện pháp luật thuế TNCN đối với tiền lương, tiền công. Đồng thời xác định một số giải pháp cơ bản nhằm hoàn thiện pháp luật thuế TNCN đối với tiền lương, tiền công.

KẾT LUẬN

Luận văn với đề tài “*Pháp luật về thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công qua thực tiễn địa bàn tỉnh Quảng Trị*” đã đóng góp một số nội dung chủ yếu sau:

Thông kê và hệ thống hoá các cơ sở lý luận về thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công như: khái niệm, vai trò, đặc điểm và một số nội dung cơ bản của luật thuế thu nhập cá nhân; phân tích làm rõ các nội dung, tiêu chí đánh giá, đo lường mức độ tuân thủ pháp luật của người nộp thuế và các nhân tố tác động/ảnh hưởng trực tiếp đến sự tuân thủ đó đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật thuế thu nhập cá nhân của người nộp thuế trên địa bàn tỉnh Quảng Trị thông qua phân tích số liệu thu thập từ khâu đăng ký, kê khai, tính thuế, nộp thuế cũng như qua đặc điểm về cơ cấu lao động, số lượng người lao động, thu nhập, mức sống, hoàn cảnh, tâm lý của người nộp thuế trên địa bàn. Đây là đặc điểm, thông tin quan trọng để đánh giá mức độ của sự tuân thủ của người nộp thuế.

Nhìn nhận thực trạng tuân thủ pháp luật ở địa phương, tác giả đã làm rõ hơn những nhân tố ảnh hưởng/ tác động đến sự tuân thủ pháp luật của người nộp thuế, mà nhân tố quan trọng nhất là tính tự nguyện, tự giác tuân thủ pháp luật của người nộp thuế. Đây là căn cứ quan trọng để đưa ra quan điểm, định hướng và các giải pháp chính nhằm nâng cao tính tuân thủ đầy đủ, kịp thời và tự nguyện của người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế trong việc thực hiện nghĩa vụ của mình, đảm bảo pháp luật thuế thu nhập cá nhân được thực thi nghiêm minh trong thực tiễn, tạo sự công bằng cho người nộp thuế, nâng cao hiệu quả nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính, báo cáo tổng kết 3 năm thi hành luật thuế thu nhập cá nhân nói chung và thuế thu nhập đối với tiền lương, tiền công nói riêng.
2. Bộ tài chính, thu ngân sách nhà nước năm 2017, 2018, 2019
3. Cổng thông tin điện tử Bộ tài chính (2015), “Cải thiện môi trường kinh doanh, lấy doanh nghiệp làm trọng tâm”, www.mof.gov.vn
4. Hà Chính (2014), WB xếp hạng thứ 72 về môi trường kinh doanh”, baodientu.chinhphu.
5. Lê Xuân Trường (2014), “Lực đẩy cải cách hành chính từ hành lang pháp lý”, tạp chí tài chính số 8/2014.
6. Nguyễn Hoàng (2013), “Hoàn thiện quản lý thuế Nhà nước đối với thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam, trường Đại học Kinh tế quốc dân – Hà Nội
7. Nguyễn Đình Chiến và Lê Xuân Trường (2013), “Nhận diện các hành vi gian lận thuế”, tạp chí tài chính số 9/2013.
8. Nguyễn Quang Tiến (2014), “Ứng dụng công nghệ thông tin trong kê khai, nộp thuế, giải pháp cải cách hành chính thuế”
9. Nhóm nghiên cứu VietNam Report (10/2014), “Thất thu hàng ngàn tỷ đồng không sao tính nổi”
10. Nguyễn Thị Cúc (2014), “Tạo bước đột phá trong thủ tục hành chính thuế”, tạp chí Tài chính số 8/2014, www.tapchitaichinh.vn.
11. Nguyễn Thị Nụ (2013), “Giải pháp tăng cường công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn huyện Tiên Du tỉnh bắc Ninh”, Đại học Nông nghiệp Hà Nội
12. Phạm Văn Phong (2009), “Nghiên cứu tính tuân thủ pháp luật của người nộp thuế theo luật Quản lý thuế hiện nay ở tỉnh Hào Bình”, Đại học Nông nghiệp Hà nội.
13. Phạm Thị Giang Thu (2009), “Phát triển bền vững và một số vấn đề đặt ra cho hệ thống pháp luật thuế Việt Nam, tạp chí luật học số 04/2009”
14. Phan Thị Trang (2011), “Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế tại chi cục thuế quận Hà Đông trong cơ chế tự khai, tự nộp”, Đại học Quốc dân Hà Nội.

15. Quản lý rủi ro tuân thủ (2004), “Quản lý và nâng cao tuân thủ thuế”, ủy ban các vấn đề thuế tháng 10/2004, trung tâm và chính sách thuế và quản lý thuế EOCED.

16. Thanh Xuân (2013), “5 ca sĩ, nghệ sĩ bị truy thu thêm 1,3 tỷ đồng tiền thuế”, thanh niên ngày 12/07/2013

17. Tổng cục thuế (2014), “Cải cách thủ tục hành chính: Bước đột phá từ những yêu cầu bức thiết”, đăng trên Tạp chí Tài chính số 8/2014

18. Trần Huy Trường (2014), “Quản lý rủi ro trong thanh tra, kiểm tra thuế ở một số nước và bài học cho Việt Nam”, Bộ Tài chính

19. Trường Đại học Luật Hà Nội (2013), Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật, NXB Công An nhân dân, Hà Nội.

20. Trường nghiệp vụ thuế (2010), Giáo trình pháp luật thuế, Nhà NXB Chính trị - hành chính.

21. Sông Trà (2015), “Cải cách hành chính: Cần những giải pháp đột phá, căn cơ”, www.nhandan.com

22. Vũ Văn Cương (2012), “Pháp luật quản lý thuế trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam – thực trạng và giải pháp”, trường Đại học Luật Hà Nội